



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG

ngày tháng năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và huấn luyện nghiệp vụ chất lượng nông lâm và thủy sản
Laboratory:	<i>The center for technical services and professional training in agro-forestry and fishery quality</i>
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Chi Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và thủy sản tỉnh Thái Nguyên
Organization:	<i>Thai Nguyen Department of Agriculture, Forestry and Fishery Quality Assurance</i>
Số hiệu/ Code:	VILAS 1098
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực	Hóa
Field	<i>Chemical</i>
Người quản lý	Lê Phương Hạnh
Laboratory manager	<i>Le Phuong Hanh</i>
Hiệu lực công nhận/ Period of Validation:	Kể từ ngày / / 2025 đến ngày 21 / 05 / 2029
Địa chỉ / Address:	Tổ 15, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên N.21, Phan Dinh Phung ward, Thai Nguyen Province
Địa điểm / Location:	Tổ 15, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên N. 179 Hoàng Quoc Viet, Nghia Do ward, Hanoi city
Điện thoại/ Tel:	0208 3852 507
E-mail:	Trungtamdvkn.thainguyen@gmail.com
Website	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 1098****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa****Field of testing: Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Gạo <i>Rice</i>	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV): Nhóm Carbamate (Fenobucarb, Methiocarb, Carbaryl); Nhóm Lân hữu cơ (Methidathion, Quinalphos, Thionazin, Dimethoate, Phorate, Sulfotep, Chlorpyrifos); Nhóm Clor hữu cơ (Endosulfan (anpha_Endosulfan và Beta_Endosulfan), Aldrin, Dieldrin, Methoxychlor, Chlorothalonil, trans-Chlordane); Nhóm Cúc tổng hợp (Cyfluthrin, Fenvalerate (Fenvalerate 1 và Fenvalerate 2), Permethrin (Cis_Permethrin và Trans_Permethrin), Cypermethrin, Fenpropathrin, Bifenthrin) Phương pháp GC/MS <i>Determination of pesticide residues GC/MS method.</i>	20 µg/kg mỗi chất/ <i>each compound</i>	PP07:2025
2.	Rau, củ, quả, chè <i>Vegetable, tea</i>	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) (Abamectin, Acetamiprid, Buprofezin, Chlorpyrifos, Clothianidin, Diafenthiuron, Dimethoate, Dinotefuran, Emamectin Benzoate, Fenobucarb, Imidacloprid, Methidathion, Propagite, Quinaphos, Sulfotep, Thiamethoxam) Phương pháp LC/MS/MS <i>Determination of pesticide residues LC/MS/MS method</i>	20 µg/kg mỗi chất/ <i>each compound</i>	PP10:2025

Chú thích /Note:

- PP: phương pháp thử do phòng thí nghiệm xây dựng/*Laboratory developed method*

Trường hợp Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và huấn luyện nghiệp vụ chất lượng nông lâm và thủy sản (Chi Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và thủy sản tỉnh Thái Nguyên) thì Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và huấn luyện nghiệp vụ chất lượng nông lâm và thủy sản (Chi Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và thủy sản tỉnh Thái Nguyên) phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the The center for technical services and professional training in agro-forestry and fishery quality (Thai Nguyen Department of Agriculture, Forestry and Fishery Quality Assurance) that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

